TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Hà Đức Sơn.
2. Ông Ma Trọng Hưng.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Dương Văn Tiến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Tiến Độ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự.

*Nguyên đơn: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1966; Nơi ĐKNKTT: Tổ VK, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn: Nguyễn Thị S (S), sinh năm 1969; Nơi ĐKNKTT: Tổ VK, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2020 và 13/7/2020, *bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị S (Sợi) qua tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào năm 1990, đến năm 2010 do ông T và bà S có mâu thuẫn nên đã ly hôn tại Tòa án, cho đến ngày 20/3/2017 ông T và bà S đăng ký kết hôn lại lần thứ hai tại UBND thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa. Sau khi đăng ký kết hôn ông T và bà S chung sống tại tổ dân phố VK, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi

nhau, sau đó bà S đã bỏ về nhà ngoại ở thôn TB, xã TA, huyện Chiêm Hóa sinh sống, ông T và bà S đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Hiện tại ông T xác định tình cảm vợ chồng thực S đã hết, nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà S có 02 người con chung tên là Phan Kim N, sinh ngày 07/7/1991 và Phan Thị Q, sinh ngày 12/6/1995. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi có đủ khả năng nhận thức và lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Phan Quốc T xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, triệu tập bà Nguyễn Thị S đến Tòa án để giải quyết việc ông Phan Quốc T yêu cầu ly hôn nhưng bà S đều không có mặt. Ông T cung cấp thông tin hiện bà S đi làm ăn xa nhưng không biết địa chỉ cụ thể, một năm chỉ về một đến hai lần nhưng không về nhà mà về nhà em cậu ở thôn TB, xã TA, huyện Chiêm Hóa. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh và theo lời khai của ông Nguyễn Văn C (em ruột của bà Nguyễn Thị S) cung cấp thì ông T và bà S có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã TA, huyện Chiêm Hóa vào năm 1990, sau đó đã chuyển khẩu theo chồng ra thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa sinh sống, hiện nay bà S đi làm ăn xa cũng không biết địa chỉ và nơi làm việc cụ thể, hàng năm có về thăm gia đình một vài lần, gia đình vẫn liên lạc qua điện thoại cho bà S. Gia đình ông có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho bà S biết về việc ông T có đơn xin ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, không thay đổi hay bổ sung gì thêm. Bị đơn bà Nguyễn Thị S (S) vắng mặt không có lý do (Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định), bà S không có ý kiến trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quốc T; cho ông Phan Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Ông T và bà S có 02 người con chung tên là Phan Kim N, sinh ngày 07/7/1991 và Phan Thị Q, sinh ngày 12/6/1995. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi có đủ khả năng nhận thức và lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, đất đai, công nợ chung ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Phan Quốc T phải chịu án phí dân S sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Ông Phan Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ VK, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì bà Nguyễn Thị S có hộ khẩu thường trú tại tổ VK, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Bà S đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ bà S đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà S đến Tòa án để làm việc nhưng bà S vắng mặt không có lý do, gia đình bà S đã thông báo nhưng bà S vẫn không về, đây được xem là T hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Quốc T kết hôn với bà Nguyễn Thị S trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông T và bà S chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa ông T và bà S không quan tâm đến cuộc sống chung, không hiểu, giúp đỡ và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nên phát sinh mâu thuẫn, hiện ông T và bà S đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, do vậy giữa ông T và bà S không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quốc T, xử cho ông T được ly hôn với bà S.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà S có 02 người con chung tên là Phan Kim N, sinh ngày 07/7/1991 và Phan Thị Q, sinh ngày 12/6/1995; Hiện nay các con đã trên 18 tuổi có đủ khả năng nhận thức và lao động bình thường, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Phan Quốc T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Phan Quốc T phải chịu án phí dân S sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của ông Phan Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Quốc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Ông Phan Quốc T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002813 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Bà Nguyễn Thị S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Quốc T và bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND huyện Chiêm Hóa;*
- *VKSND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;*
- *UBND thị trấn VL (Nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VP.*

Lâm Hạnh Quỳnh